

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THỂ THAO ĐẠI CHÚNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THỂ THAO ĐẠI CHÚNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PUBLIC SPORTS DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: USPORTS

2. Mã số doanh nghiệp: 0109215148

3. Ngày thành lập: 09/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô 405, tầng 4, tòa nhà An Bình, Số 3 Trần Nguyên Đán, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 32002881

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
3.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
4.	In ấn (loại Nhà nước cho phép)	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
7.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
11.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13.	Xây dựng nhà để ở	4101
14.	Xây dựng nhà không để ở	4102
15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17.	Xây dựng công trình điện	4221
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

19.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
20.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21.	Xây dựng công trình thủy	4291
22.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
25.	Phá dỡ	4311
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
30.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm)	4610
33.	Bán buôn thực phẩm	4632
34.	Bán buôn đồ uống	4633
35.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (không bao gồm tư vấn luật, thuế, kế toán, kiểm toán)	4634
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn sách báo tạp chí, văn phòng phẩm	4649
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

46.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
47.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
48.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
49.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	4773
50.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
52.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
53.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng	5629
54.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
55.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi Tiết: Hoạt động sản xuất phim	5911
56.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim	5913
57.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (loại trừ hoạt động xuất bản)	5920
58.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Thiết kế lưu trữ duy trì trang thông tin điện tử; Bảo hành , bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin, Cập nhật tìm kiếm lưu trữ xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu Đào tạo công nghệ thông tin - Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm	6209
60.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
61.	Cổng thông tin (loại trừ hoạt động báo chí)	6312
62.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
63.	Quảng cáo (loại Nhà nước cho phép)	7310(Chính)
64.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra);	7320
65.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
66.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
67.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán và hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
70.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (không bao gồm tư vấn luật, thuế, kế toán, kiểm toán)	8211
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

73.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
74.	Hoạt động thể thao khác	9319
75.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	A10 Nơ 6 ĐT Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	5,000	001059001125	
2	VÕ THANH TÙNG	CH 610 CT16, khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	27.000.000.000	90,000	042082000449	
3	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	CH 610 CT16, khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	5,000	001187014368	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VÕ THANH TÙNG** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc*
 Sinh ngày: *12/08/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *042082000449*
 Ngày cấp: *21/03/2018* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *CH 610 CT16, khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *CH 610 CT16, khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội